

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là khai thác và chế biến khoáng sản, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(s) Các công ty liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt của Công ty, các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này, và các công ty con và công ty liên kết của các cá nhân này.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	619.422.945	826.326.642
Tiền gửi ngân hàng	5.283.051.815	9.541.356.809
Các khoản tương đương tiền	183.814.806.506	224.887.502.140
	<hr/>	<hr/>
	189.717.281.266	235.255.185.591
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

5. Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên vật liệu	3.804.840.068	1.889.553.409
Công cụ và dụng cụ	772.673.265	425.207.741
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.982.099.583	364.058.358
Thành phẩm	5.722.044.301	7.589.768.210
	<hr/>	<hr/>
	13.281.657.217	10.268.587.718
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	15.527.579.596	15.336.725.987	5.328.858.681	996.278.016	37.189.442.280
Tăng trong năm	16.096.731.798	3.216.946.364	808.609.090	73.890.000	20.196.177.252
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.318.581.441	1.667.999.984	-	-	2.986.581.425
Thanh lý	-	-	(472.140.905)	-	(472.140.905)
Phân loại lại (*)	(107.159.332)	(275.231.892)	-	(615.729.516)	(998.120.740)
Số dư cuối năm	32.835.733.503	19.946.440.443	5.665.326.866	454.438.500	58.901.939.312
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.100.525.077	7.451.290.183	2.430.265.067	456.079.799	16.438.160.126
Khấu hao trong năm	3.504.725.697	2.459.448.932	778.716.105	252.099.047	6.994.989.781
Thanh lý	-	-	(467.584.709)	-	(467.584.709)
Phân loại lại (*)	(103.151.899)	(171.462.196)	(19.667.728)	(388.710.011)	(682.991.834)
Số dư cuối năm	9.502.098.875	9.739.276.919	2.721.728.735	319.468.835	22.282.573.364
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	9.427.054.519	7.885.435.804	2.898.593.614	540.198.217	20.751.282.154
Số dư cuối năm	23.333.634.628	10.207.163.524	2.943.598.131	134.969.665	36.619.365.948

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 10).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 8.414 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 6.684 triệu VND).

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền khai thác khoáng sản	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Chi phí thăm dò và đánh giá VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.432.595.455	-	380.554.359	2.316.881.542	5.130.031.356
Tăng trong năm	395.000.000	30.505.577.702	-	-	30.900.577.702
Số dư cuối năm	2.827.595.455	30.505.577.702	380.554.359	2.316.881.542	36.030.609.058
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	150.758.776	-	380.554.359	2.316.881.542	2.848.194.677
Khấu hao trong năm	127.949.530	4.756.245.986	-	-	4.884.195.516
Số dư cuối năm	278.708.306	4.756.245.986	380.554.359	2.316.881.542	7.732.390.193
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	2.281.836.679	-	-	-	2.281.836.679
Số dư cuối năm	2.548.887.149	25.749.331.716	-	-	28.298.218.865

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.697 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31/12/2012: 2.697 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	6.327.211.899	4.138.489.969
Tăng trong năm	4.838.805.168	8.228.094.649
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.986.581.425)	(6.039.372.719)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.179.435.642	6.327.211.899
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án Thăm dò mỏ antimon tại mỏ Bó Mới giai đoạn 1	6.616.528.639	5.072.670.987
Dự án Nhà máy tuyển quặng antimon Mậu Duệ	845.075.185	536.708.631
Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng HGM	174.360.909	174.360.909
Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ antimon mỏ Mậu Duệ	543.470.909	543.471.372
	<hr/>	<hr/>
	8.179.435.642	6.327.211.899
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

